# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Gắn Kết VinaCapital (VINACAPITAL-VIBF)

Tại ngày 31/10/2026

Quỹ hướng tới mục tiêu tối ưu hóa lợi nhuận thông qua chiến lược kết hợp sự ổn định từ các công cụ thu nhập cố định với tiềm năng tăng trưởng từ danh mục cổ phiếu. Cơ cấu tài sản của Quỹ được phân bổ linh hoạt giữa cổ phiếu và trái phiếu tùy theo điều kiện thị trường và cơ hội đầu tư tại từng thời điểm. Với danh mục cổ phiếu, quỹ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động, lựa chọn các doanh nghiệp có tiềm năng tăng trưởng bền vững với một định giá hấp dẫn so với triển vọng dài hạn. Bên cạnh đó, Quỹ sàng lọc các trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi và các công cụ có thu nhập cố định khác qua hệ thống xếp hạng tín nhiệm nội bộ nhằm đảm bảo tài sản có chất lượng tín dụng tốt và ổn định cho quỹ.

## Hiệu suất đầu tư của quỹ

| Lợi nhuận (LN) | VINACAPITAL-VIBF | Chỉ số tham chiếu |
|---|---|---|
| LN tháng 10/2026 (%) | (0.9) | (0.5) |
| LN từ đầu năm 2026 (%) | (4.1) | 1.2 |
| LN kép trung bình 3 năm (%/năm) | 9.9 | 12.4 |
| LN kép trung bình 5 năm (%/năm) | 4.2 | 4.4 |
| LN kép trung bình hằng năm từ khi thành lập (%/năm) | 9.1 | 6.7 |
| LN từ ngày thành lập (%) | 89.8 | 61.0 |

*Chỉ số tham chiếu: Bình quân của VN-Index và lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của Vietcombank.*

## Lợi nhuận đầu tư từ ngày thành lập

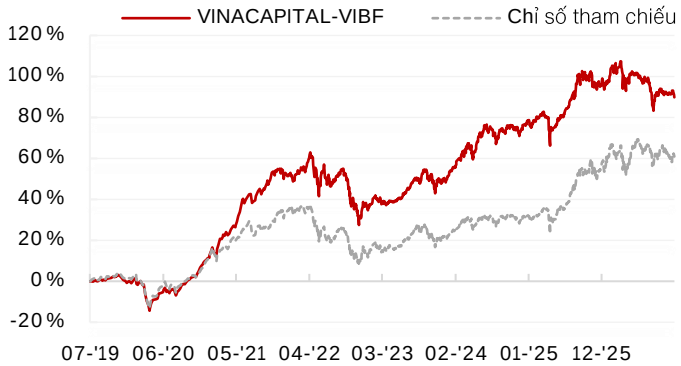


*Dữ liệu là kết quả đầu tư trong quá khứ và không phản ánh hiệu quả đầu tư tương lai. Lợi nhuận không cam kết và có thể biến động trong ngắn hạn. Khuyến nghị đầu tư trung và dài hạn để đạt hiệu suất tốt.*

## Phân bổ tài sản

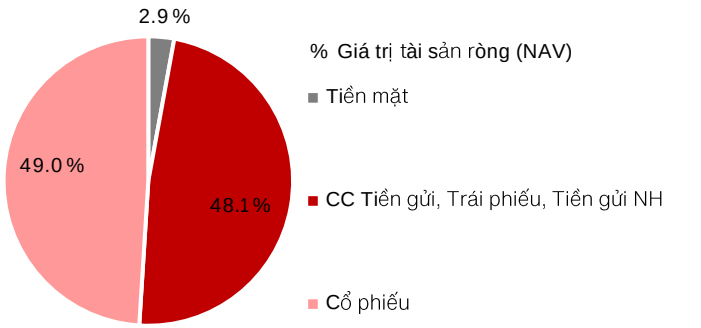


## Danh mục cổ phiếu phân bổ theo ngành

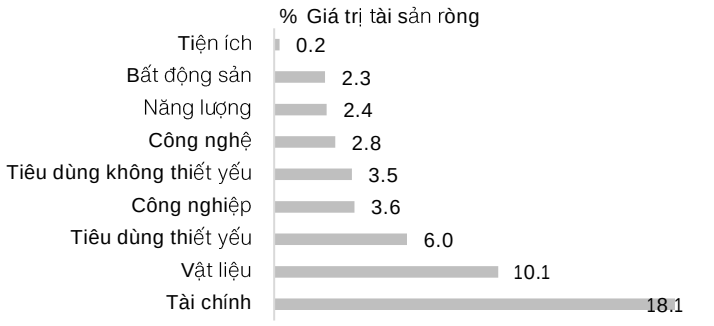


## Danh mục đầu tư lớn

| | Mã | Ngành | % NAV |
|---|---|---|---|
| Cổ phiếu | VCB | Tài chính | 5.2 |
| | HPG | Vật liệu | 3.9 |
| | MBB | Tài chính | 3.7 |
| | VPB | Tài chính | 3.1 |
| | TCB | Tài chính | 2.8 |
| Trái phiếu | MSN123010 | Tiêu dùng thiết yếu | 14.3 |
| | NLG12501 | Bất động sản | 4.2 |
| | BCM12406 | Bất động sản | 4.2 |
| TỔNG CỘNG | | | 41.5 |

## Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VIBF

**Cập nhật thị trường trái phiếu**

Trong tháng 10/2026, thị trường trái phiếu doanh nghiệp ghi nhận tổng giá trị phát hành 46,8 nghìn tỷ đồng, giảm 30,0% so với cùng kỳ 2025. Phát hành riêng lẻ tiếp tục chiếm ưu thế, đạt 45,0 nghìn tỷ đồng, chủ yếu đến từ nhóm Ngân hàng (74,0%) và Bất động sản (19,7%). Lãi suất bình quân của trái phiếu ngân hàng ở mức 8,1% (3,0-9,9%), thấp hơn mức 10,2% của nhóm bất động sản.

Đáng chú ý, nhóm ngân hàng ghi nhận hai đợt phát hành tại thị trường Singapore của SHB, với tổng quy mô 229 triệu SGD (xấp xỉ 4,6 nghìn tỷ đồng), kỳ hạn bình quân 4 năm và lãi suất bình quân 3,0%. Trong khi đó, nhóm bất động sản ghi nhận một đợt phát hành tại thị trường Hàn Quốc của Vingroup, với quy mô 230 tỷ Won (xấp xỉ 4,4 nghìn tỷ đồng), kỳ hạn 3 năm và lãi suất 8%.

Kênh phát hành công chúng ghi nhận hai tổ chức phát hành với tổng giá trị huy động đạt 1,9 nghìn tỷ đồng, lãi suất phát hành bình quân khoảng 9,5%. Hai tổ chức này bao gồm Bắc Á Bank (1,1 nghìn tỷ đồng) và Kiên Long Bank (766 tỷ đồng).

**Cập nhật thị trường chứng khoán**

VN-Index giảm 1,5% trong tháng 10, đóng cửa ở mức 1.741,6 điểm. Chỉ số biến động mạnh, có thời điểm xuống dưới 1.700 điểm trước khi hồi phục nhờ chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ yêu cầu các ngân hàng giảm lãi suất. Tính từ đầu năm, VN-Index giảm 2,4%; nếu loại trừ nhóm cổ phiếu thuộc Tập đoàn Vingroup, mức giảm của thị trường lên tới 11,4%.

Thanh khoản tiếp tục suy yếu trong tháng 10, với giá trị giao dịch bình quân khoảng 606 triệu USD/phiên, giảm 5% so với tháng trước. Khối ngoại bán ròng 931 triệu USD, gấp khoảng năm lần tháng 9, nâng tổng giá trị bán ròng từ đầu năm lên 4,7 tỷ USD. Tuy nhiên, khoảng 59% giá trị bán ròng trong tháng đến từ giao dịch thỏa thuận, riêng MCH chiếm 372 triệu USD.

Kết quả kinh doanh quý 3 của các doanh nghiệp niêm yết vẫn khá tích cực: tổng lợi nhuận sau thuế của các doanh nghiệp trên HOSE tăng 51,5% so với cùng kỳ, lũy kế 9 tháng tăng 48,4%. Dù vậy, riêng nhóm Vingroup đã đóng góp gần 60% mức tăng lợi nhuận này, chủ yếu nhờ khoản lợi nhuận lớn từ các giao dịch bán sỉ dự án bất động sản.

Trong khi đó, số liệu vĩ mô tháng 10 cho thấy nền kinh tế đang hướng tới mức tăng trưởng cao trong quý 4. Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 15,0% so với cùng kỳ (10 tháng: +12,4%). Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng 14,7% (10 tháng: +13,5%, hay +7,7% nếu loại trừ yếu tố giá). Giải ngân đầu tư công 10 tháng đạt 783,9 nghìn tỷ đồng, tương đương 69% kế hoạch năm và tăng 19,8% so với cùng kỳ. Vốn FDI đăng ký đạt 54,9 tỷ USD, tăng 74%, trong khi vốn giải ngân đạt 24,1 tỷ USD, tăng 13,1%.

Classified: Public

# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Gắn Kết VinaCapital
# (VINACAPITAL-VIBF)

Tại ngày 31/10/2026

## Chỉ số danh mục

| | VINACAPITAL-VIBF | Chỉ số tham chiếu |
|---|---|---|
| **Chỉ số danh mục cổ phiếu** | | |
| Chỉ số P/E 2026 (x) | 8.1 | 11.9 |
| Chỉ số P/B 2026 (x) | 1.3 | 1.9 |
| Chỉ số ROE 2026 (%) | 18.0 | 16.1 |
| Lợi suất cổ tức (%) | 4.3 | 1.9 |
| Số lượng chứng khoán | 27 | 407 |
| **Chỉ số danh mục trái phiếu** | | |
| Thời gian đáo hạn bình quân (năm) | 0.9 | |
| Lợi suất khi đáo hạn (%) | 9.4 | |
| **Chỉ số danh mục** | | |
| Hệ số Sharpe (5 năm) | 0.1 | 0.2 |

*(Nguồn: Dự báo của VinaCapital)*

## Thông tin quỹ

| | |
|---|---|
| Tổng tài sản (tỷ VNĐ) | 1,226.0 |
| Giá trị TS ròng/CCQ (VNĐ) | 18,978.2 |
| Ngày thành lập | 7/2/2019 |
| Phí quản lý | 1.75%/năm |
| **Phí phát hành** | 0% |
| Phí mua lại | Từ ngày 1 - ngày 364: 2%<br>Từ ngày 365 - ngày 729: 1%<br>Từ ngày 730 trở đi: 0% |
| Thuế thu nhập cá nhân | 0.1% |
| Ngân hàng Giám sát & Lưu ký | Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam |
| Công ty kiểm toán | PwC Việt Nam |
| Tần suất giao dịch | Hằng ngày, Thứ 2 đến Thứ 6 |
| Chỉ số tham chiếu | Bình quân của VN-Index và lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của Vietcombank. |

*(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý.)*

## Thông tin liên hệ


**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital**

Lầu 17, Tòa nhà Sunwah

115 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, TP.HCM, Việt Nam

Bộ phận Quan hệ Nhà Đầu Tư: irwm@vinacapital.com

Tel: +84 28 38 27 85 35


## Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VIBF (tiếp theo)

Đáng chú ý, sau khi nhập siêu trong 8 tháng đầu năm, cán cân thương mại đã chuyển sang thặng dư trong hai tháng liên tiếp, riêng tháng 10 xuất siêu 7,3 tỷ USD. Cho năm 2027, Quốc hội tiếp tục đặt mục tiêu tăng trưởng GDP từ 10% trở lên và thông qua dự toán chi ngân sách nhà nước 4,07 triệu tỷ đồng, tăng 29,0% so với ước thực hiện năm 2026.

**Cập nhật quỹ và triển vọng đầu tư**

Trong tháng 10/2026, giá trị tài sản ròng trên một CCQ của VINACAPITAL-VIBF giảm 0,9%, trong khi chỉ số tham chiếu (CSTC) giảm 0,5%. Tính từ đầu năm, tài sản trên một CCQ của Quỹ giảm 4,1%, còn CSTC tăng 1,2%. Các doanh nghiệp trong danh mục quỹ đang đầu tư công bố kết quả quý 3 tích cực: lợi nhuận bình quân theo tỷ trọng danh mục tăng 36,0% so với cùng kỳ (svck), với 20/27 mã tăng trưởng lợi nhuận, chiếm 80,4% tỷ trọng cổ phiếu. Khi lợi nhuận doanh nghiệp tăng trưởng mạnh nhưng giá cổ phiếu chưa phản ánh tương xứng nên hiện tại định giá danh mục cổ phiếu của Quỹ hiện chỉ giao dịch ở P/E 2026 là 8,1 lần, thấp hơn 31,6% so với mức 11,9 lần của thị trường. Với tầm nhìn dài hạn, Quỹ xem đây là cơ hội hiếm hoi để sở hữu các doanh nghiệp tăng trưởng chất lượng ở mức giá hợp lý.

Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ (LNST) quý 3 ghi nhận tăng trưởng tích cực và lan tỏa trên nhiều nhóm ngành trong danh mục, phản ánh động lực tăng trưởng đến từ nhiều trụ cột của nền kinh tế. Nhóm tiêu dùng dẫn dắt đà tăng trưởng, với LNST của MWG tăng 74,7% lên 3,1 nghìn tỷ đồng, nhờ doanh thu cùng cửa hàng của Điện Máy Xanh tăng khoảng 30%. LNST của MSN tăng gấp ba lần lên mức kỷ lục 3,7 nghìn tỷ đồng, được hỗ trợ bởi sự tăng tốc của mảng tiêu dùng và giá vonfram tăng. Nhu cầu đầu tư hạ tầng và hoạt động công nghiệp cũng đóng góp tích cực vào kết quả của danh mục. LNST của HPG tăng hơn gấp đôi lên 8,2 nghìn tỷ đồng khi Dung Quất 2 đi vào vận hành toàn công suất, trong khi sản lượng và giá xăng dầu cải thiện giúp PLX ghi nhận LNST 1,2 nghìn tỷ đồng, tăng 103,2% so với cùng kỳ. PHR đạt LNST 426,5 tỷ đồng, tăng 64,4%, chủ yếu nhờ thu nhập từ đền bù đất khu công nghiệp. Nhóm ngân hàng tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định. MBB ghi nhận LNST 8,0 nghìn tỷ đồng, tăng 44,3%, nhờ tăng trưởng tín dụng mạnh. Trong khi đó, LNST của VCB gần như đi ngang ở mức 9,0 nghìn tỷ đồng, mặc dù thu nhập hoạt động tăng 40,9%. Kết quả này chủ yếu do ngân hàng chủ động trích lập toàn bộ 5,0 nghìn tỷ đồng dự phòng cho trái phiếu doanh nghiệp ngay trong kỳ, qua đó củng cố bộ đệm dự phòng trước các rủi ro tiềm ẩn.

Từ đầu năm, bối cảnh vĩ mô trong và ngoài nước không mấy thuận lợi cho thị trường chứng khoán. Lãi suất trong nước và toàn cầu đều tăng cao, xung đột tại vùng Vịnh có thời điểm đẩy giá dầu lên 110–120 USD/thùng, còn CPI trong nước tháng 10 tăng 5,1% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy các áp lực này đang dần giảm bớt. Sau cuộc bầu cử giữa kỳ tại Mỹ, lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ kỳ hạn 10 năm đã giảm từ mức cao 5,3% trong tháng trước xuống khoảng 4,9%, trong khi giá dầu đã về dưới 100 USD/thùng. Trong nước, nhiều ngân hàng đã giảm lãi suất khoảng 50 điểm cơ bản theo chỉ đạo của Chính phủ, một số lĩnh vực ưu tiên được giảm lãi suất cho vay tới 150–200 điểm cơ bản. Để kiểm soát lạm phát, giá điện bán lẻ bình quân được giảm 2% từ ngày 1/11, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng được đưa về 0% từ tháng 11/2026 đến hết tháng 3/2027. Đồng Việt Nam đã tăng giá khoảng 2,5% so với USD từ đầu năm, trong khi giá dầu và lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ đang hạ nhiệt. Vì vậy, chúng tôi cho rằng Ngân hàng Nhà nước sẽ có thêm điều kiện để điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt hơn, qua đó tạo yếu tố hỗ trợ cho thị trường chứng khoán trong thời gian tới.

## Lợi nhuận hằng tháng

| | Tháng 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | LN từ đầu năm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2022 | -0.1% | 1.9% | 3.1% | -2.8% | -1.6% | -1.7% | -0.8% | 3.9% | -5.9% | -5.5% | -1.5% | 0.5% | -10.5% |
| 2023 | 4.0% | -2.8% | 0.6% | 0.5% | 1.0% | 2.9% | 3.8% | 1.3% | -1.0% | -5.3% | 3.7% | 2.2% | 11.2% |
| 2024 | 2.6% | 4.3% | 3.3% | -2.6% | 4.8% | 0.9% | 0.0% | 1.3% | 0.8% | -0.5% | -0.3% | 2.3% | 17.9% |
| 2025 | 0.1% | 1.4% | -1.0% | -2.2% | 2.7% | 2.6% | 3.1% | 5.3% | -1.0% | -1.0% | -0.6% | 1.2% | 10.8% |
| 2026 | 3.9% | 0.8% | -4.1% | 1.0% | -1.0% | -0.2% | -5.2% | 3.1% | -1.2% | -0.9% | | | -4.1% |


**Thông tin quan trọng:** Những thông tin trên đây do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital ("Công ty") soạn thảo và/hoặc có thể được cập nhật, sửa đổi, điều chỉnh và xác minh thêm mà không cần phải thông báo. Thông tin trên không tạo thành và/hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc đề nghị mua hoặc đăng ký mua bất kỳ chứng khoán nào cũng như không tạo thành căn cứ hoặc liên quan đến hoặc coi như là sự dẫn dụ tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước tính và/hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ cập nhật và/hoặc chỉnh sửa nếu các tình huống có thay đổi.

Classified: Public